Poste consulaire **CONSULAT GENERAL DE FRANCE** 27 NGUYEN THI MINH KHAI QUAN 1 TP HO CHI MINH	**F O R M U L A I R E D E D E M A N D E** **D E B O U R S E S S C O L A I R E S** **M Ẫ U Đ Ơ N X I N H Ọ C B Ổ N G** au bénéfice d'enfants français résidant avec leur famille à l'étranger. (en application des articles D531-45 à D531-51 du Code de l'Éducation) *Ministère des Affaires étrangères et du Développement international* dành cho trẻ em Pháp sinh sống cùng với gia đình ở nước ngoài. *(Áp dụng các điều từ D531-45 đến D531-51 Luật giáo dục)* *Bộ Ngoại Giao Pháp* ***Agence pour l'enseignement français à l'étranger - 23 place de Catalogne - 75014 PARIS***

Toutes les rubriques doivent être renseignées. Si vous n'êtes pas concerné, portez la mention « néant ».
Tất cả các mục phải được điền đầy đủ. Các mục không liên quan, xin ghi "néant"

ANNÉE SCOLAIRE 2019/2020
Năm học

☐ **1ère demande**
Xin lần đầu

☐ **Renouvellement**
Tái xin

n° de famille :- - - --
Số gia đình

Nom et prénom du demandeur/ Họ và tên của người xin: …….

Numéro d'inscription au registre mondial des Français établis hors de France ***/ Số đăng ký trong Sổ đăng ký người Pháp sống tại nước ngoài (NUMIC):*** ……

Nationalité ***/ Quốc tịch :*** …….

Lien familial avec le ou les enfants pour lesquels des bourses scolaires sont demandées / ***Quan hệ gia đình với trẻ xin học bổng :***……..

Adresse / ***Địa chỉ :*** .....

N° de téléphone / ***Điện thoại :*** .....

Adresse électronique / ***Địa chỉ thư điện tử*** **:** .....

Date d'arrivée dans le pays / ***Ngày đến Việt Nam :*** .....

Dernière adresse en France / ***Địa chỉ cư trú cuối cùng ở Pháp*** :……. ……...

……

Numéro d'allocataire Caisse d'allocations familiales / ***Mã Số hồ sơ của Quĩ trợ cấp gia đình (CAF)*** **:** ……..

Organisme payeur des prestations (département) / ***Tên của tổ chức chi trả các trợ cấp (tỉnh)*** **:** .....……

-/- Renseignements relatifs à la famille / *Các thông tin liên quan đến gia đình*

✔ *Situation familiale / Hoàn cảnh gia đình:*

☐ Marié(e)/Đã kết hôn ☐ Divorcé(e)/ Đã ly dị ☐ Concubin(e)/ Sống chung không hôn thú
☐ Célibataire/Độc thân ☐ Veuf(ve)/ Góa bụa ☐ Séparé(e)/ Ly thân
☐ PACS/ Sống chung có ký giấy xác nhận PACS

✔ *Composition du foyer/ Thành phần gia đình :*

	Père/Cha	**Mère/ Mẹ**	**Autre qualité/ Người khác**
NOM/ HỌ			
Prénom/ Tên			
Né(e) le / Ngày sinh			
Lieu et pays de naissance/ Nơi sinh			

Cadre réservé à l'administration

Année précédente :

Quotité :

Décision :

Dossier reçu le :

Complet ☐
Incomplet ☐

Proposition CCB

Motif :

Décision Agence
(après avis de la CNB)

Motif :

***(enfant dont la famille définie ci-dessus assure l'entretien)**/(trẻ được khai dưới đây là trẻ mà gia đình đang nuôi dưỡng)*

Enfants à charge ***NOM*** ***Trẻ đang nuôi dưỡng**** ***HỌ***	***Prénom/ Tên***	***Date de naissance/ Ngày sinh***	**Nationalité** ***Quốc tịch***	***Lieu de résidence/ Nơi ở***	***N° NUMIC / Số thẻ LS***

Tout enfant au-delà de 5, sera mentionné sur une feuille séparée./ Nếu tổng số trẻ nuôi dưỡng từ 5 trở lên, danh sách sẽ được khai trên một tờ riêng

✔ *Enfant (s) handicapé (s) à charge* (nom, prénom, âge et niveau de handicap)

Trẻ em tàn tật đang nuôi dưỡng : (Họ, tên, tuổi và mức độ thương tật)

....

.....

✔ *Logement actuel / Chỗ ở hiện nay*

Êtes-vous propriétaire de votre logement/ Nơi cư trú hiện tại có thuộc sở hữu của ông/bà không :

OUI/ Có ☐ NON/ Không ☐

Superficie/ Diện tích : ……Nombre de pièce/ Số lượng phòng: ……...

Nombre de personnes occupant le logement/ Số lượng người đang ở : .....

✔ ***Situation professionnelle*** ***Tình hình nghề nghiệp***	**Père** **Cha**	**Mère** **Mẹ**	**Autre qualité** **Đối tượng khác**
Profession *(si vous êtes sans emploi, indiquez depuis quelle date)* Nghề nghiệp (nếu ông/bà không có việc làm, xin cho biết từ khi nào)			
Employeur/ Tên người sử dụng lao động			

Si vous êtes employé(e), avez-vous un lien avec votre employeur ? (familial, association,…)

Nếu ông/bà là người lao động, ông/bà có quan hệ như thế nào với người sử dụng lao động ? (về mặt gia đình, hiệp hội, cổ đông, v.v.).....

✔*Avantage en nature/ Các khoản phúc lợi vật chất được nhận*

Avantages en nature que vous pouvez recevoir de votre employeur ou de votre famille, (à chiffrer) / Những khoản trợ cấp về vật chất mà ông/bà nhận được từ người sử dụng lao động hoặc từ gia đình (nêu rõ số tiền tương ứng).....

Véhicule/ Phương tiện đi lại ..... Electricité/ Điện.....

Billet d'avion/ Vé máy bay ..... Gaz/Ga.....

Résidence secondaire/ Nơi ở phụ ..... Eau/ Nước.....

Divers/ Trợ cấp khác ..... Téléphone(s)/ Điện thoại

Nourriture/ Thực phẩm ……..

✔***Véhicules personnels*** ***Phương tiện vận chuyển cá nhân***	**Nombre** **Số lượng**	**Modèle** **Mẫu**	**Date d'achat** **Ngày mua**	**Valeur à l'achat** **Giá trị ở thời điểm mua**
Voiture/ Xe hơi				
Moto/ Xe gắn máy				
Bateau/ Tàu thủy				
Autre/ Khác				

✔ *Aides à la scolarisation/ Các khoản trợ giúp tài chính về học phí :*

Bénéficiez-vous déjà d'une autre aide à la scolarisation pour vos enfants ?
Ông/bà có sự giúp đỡ nào khác trong việc cho con em đi học?

.....

Organisme serveur (employeur, pays d'accueil…)
Tổ chức hỗ trợ (người sử dụng lao động, nước tiếp đón-nơi ông/bà ở, gia đình): .....

✔ *Loisirs/Voyages - Hoạt động giải trí/du lịch*

Les membres de la famille sont-ils inscrits à des clubs (sportifs, …). Lesquels ?
Các thành viên trong gia đình có tham gia vào câu lạc bộ nào không (thể thao, văn hóa...)?

.....

Au cours de ces deux dernières années, combien de fois les différents membres de votre famille ont-ils voyagé, pour des motifs autres que professionnels, hors du pays de résidence *(destinations à préciser)*
Trong 2 năm qua, ngoài những chuyến đi vì lý do nghề nghiệp, các thành viên trong gia đình ông/bà đi du lịch ngoài nước sở tại bao nhiêu lần ? *(ghi rõ nơi đến)*

.....

.....

✔ *Personnel de service/ Người giúp việc*

Nombre/ Số lượng :……. ……
Emploi(s) occupés/ Công việc : ……
Coût annuel/ Lương hằng năm :……..... ……..

-//- Désignation des enfants pour lesquels une bourse est demandée
-II- Thông tin trẻ xin cấp học bổng

NOM et prénom **HỌ và tên**	**Établissement scolaire** **Trường**	**Classe** **Lớp**	**Nature des bourses sollicitées *** **Loại học bổng cần xin ***									
			Cocher les cases correspondant aux bourses demandées/ *Đánh dấu vào ô tương ứng với loại học bổng mà ông/bà cần xin*									
			S	**S1**	**SA**		**T**	**D**	**E**		**N**	**TB**

**** NATURE DES BOURSES/ Các loại hình học bổng***

****(S)*** *Frais de scolarité/Học phí*
****(S1)****1ère Inscription/Phí ghi danh lần đầu*

****(SA)*** *Inscription annuelle/ Phí ghi danh hàng năm*
uniquement pour BOULE ET BILLES/Cho truong BOULE ET BILLES
****(T)*** *Transport scolaire/ Xe chuyên chở học sinh*
***(D)** *Demi-pension / Phí ăn trưa*

*(**E**) *Manuels et fournitures scolaires/ Sách vở và dụng cụ học tập*
uniquement pour LFI DURAS/ Cho truong LFI Duras
*(**N**) *Droit d'inscription aux examens/ Phí ghi danh cho các kỳ thi*
*(**TB**) *Transport aux examens/ Phí đi lại cho các kỳ thi*

Visa du (des) Chef(s) d'établissement (en cas de dépôt du dossier auprès des services de l'établissement).
En cas de 1ère demande, indiquer si les enfants sont inscrits dans l'établissement au jour de la demande de bourses.

Dấu của hiệu trưởng nhà trường (trong trường hợp đệ đơn tại các phòng ban của trường).
Trong trường hợp xin học bổng lần đầu, cần nêu rõ là trẻ đã được ghi danh ở trường hay chưa (vào ngày muốn xin học bổng)

Observations éventuelles/ *Nhận xét nếu có* :

<u>À REMPLIR OBLIGATOIREMENT</u> : Préciser les raisons pour lesquelles les bourses destinées à couvrir les frais parascolaires (transport, demi-pension, internat…) sont demandées (éloignement du lycée, travail des parents...)
Thông tin bắt buộc phải cung cấp: nêu rõ các lý do (nhà ở xa, công việc của cha mẹ, v.v.) xin học bổng cho các hạng mục ngoài học phí (xe chở học sinh, tiền ăn trưa, v.v.)

..... .
.....
.....

« Je, soussigné (Nom, prénom) ……..……., certifie sur l'honneur avoir porté sur la présente demande, des renseignements complets et exacts sachant que toute inexactitude ou omission pourra conduire à l'exclusion du système d'aide à la scolarité (article D531-49 du Code de l'Éducation). J'atteste par ailleurs ne plus percevoir aucune prestation sociale soumise au principe de résidence en France ».
Tôi, ký tên dưới đây (Họ, tên)……..…… tuyên thệ trên danh dự các thông tin cung cấp trong đơn này là chính xác và đầy đủ và tôi biết rằng mọi sự khai báo không chính xác hoặc bỏ sót cố ý có thể dẫn đến việc đơn xin sẽ bị loại khỏi việc xét duyệt (Điều D531-49 của Luật giáo dục). Mặt khác, tôi khai nhận rằng hiện nay tôi không còn nhận bất kỳ trợ cấp xã hội nào mà theo nguyên tắc chỉ dành cho người cư trú tại nước Pháp.

Signature/ Chữ ký :

Fait le/ ngày **à/ Tại**

En application des articles 12 et 13 du Règlement Européen 2016-679 du 27 avril 2016, relatif à la protection des données à caractère personnel et de la Loi Informatique et Libertés modifiée, nous vous informons que l'AEFE en sa qualité de Responsable de Traitement collecte des données vous concernant à des fins d'instruction des dossiers de demandes de bourses scolaires et d'attribution de bourses scolaires. Vos données seront strictement réservées aux Services de l'aide à la scolarité et aux services habilités et seront conservées durant dix ans. Aux termes de notre Politique de protection des données, nous nous engageons à protéger les vôtres de toute atteinte. Conformément aux art.15 à 22 du Règlement Européen 2016-679 du 27 avril 2016, relatif à la protection des données à caractère personnel , vous pouvez demander à tout moment et gratuitement à accéder aux données vous concernant, à les rectifier ou à les effacer, auprès de notre Délégué à la protection des données (Data Protection Officer), à l'adresse suivante : dpo.aefe@diplomatie.gouv.fr ou à la CNIL en l'absence de réponse satisfaisante dans le délai d'un mois. Vous pourrez également vous opposer au traitement vous concernant pour des motifs légitimes.

Cadre réservé à l'administration / Phần dành cho cơ quan thẩm quyền

Observations particulières / Các nhận xét đặc biệt :

Enquête sociale/ Điều tra xã hội : OUI/ Có ☐ NON/ Không ☐ Date/ Ngày tháng :

Conclusions de l'enquête/ Kết luận từ cuộc điều tra :

Enquête fiscale/ Điều tra thuế : OUI/ Có ☐ NON/ Không ☐ Date/ Ngày tháng :

Conclusions de l'enquête/ Kết luận từ cuộc điều tra :

DÉCLARATION SUR L'HONNEUR DES RESSOURCES ET DU PATRIMOINE
PHẦN KHAI DANH DỰ VỀ CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ TÀI SẢN

1. *Ressources et charges annuelles*

Année de référence 2018 *(en cas d'absence de revenu, saisir "zéro")* / ***Thu nhập và chi phí của năm : Năm tham chiếu 2018*** *(nếu không có thu nhập, điền "zéro")*

RESSOURCES ANNUELLES **THU NHẬP HÀNG NĂM**	**Père/Cha**	**Mère/ Mẹ**	**Autre qualité** **Người khác**
Revenus bruts **avant toute déduction**, (salaires, retraites, indemnités et allocations de toute nature…) Lương thuần **trước thuế** (lương làm việc, lương hưu, và tất cả các loại hình trợ cấp...)			
Pension alimentaire reçue Trợ cấp nuôi dưỡng nhận được			
Revenus mobiliers (placements financiers en actions.....) Thu nhập từ động sản (các loại đầu tư, cổ phần,...)			
Revenus immobiliers (Loyers…) Thu nhập bất động sản (cho thuê BĐS, ...)			
Aide familiale / Khoản trợ giúp từ gia đình			
Montant total des avantages en nature (logement gratuit, billets d'avions)/ Các phúc lợi bằng hiện vật (nhà ở miễn phí, vé máy bay, tiền học phí,...)			
TOTAL / TỔNG CỘNG			
CHARGES ANNUELLES **CHI PHÍ HÀNG NĂM**			
Cotisations sociales obligatoires (Assurance maladie, retraite, CFE sous condition) Các khoản đóng góp xã hội bắt buộc (bảo hiểm y tế, quỹ lương hưu, quỹ CFE tùy theo điều kiện)			
Impôts sur le revenu Thuế thu nhập			
Pension alimentaire versée Trợ cấp nuôi dưỡng phải trả			
TOTAL / TỔNG CỘNG			

2. *Patrimoine mobilier* *(en cas d'absence de patrimoine mobilier, saisir « zéro »sur la ligne "total")*

Tài sản động sản (*nếu không có tài sản động sản, ghi « zéro » vào dòng « tổng cộng »*)

Type : (actions, obligations, assurance-vie, autres placements…) **Loại tài sản:** (cổ phiếu, chứng phiếu, cổ phần, bảo hiểm nhân thọ, tiết kiệm, các loại đầu tư khác …)	**Montant / Số tiền**
TOTAL / TỔNG CỘNG	

3. Patrimoine immobilier (*en cas d'absence de patrimoine, saisir « zéro » sur la ou les lignes concernées*)
Tài sản bất động sản (*nếu không có tài sản bất động sản, ghi « zéro » vào dòng hoặc các dòng liên quan*)

Type **Dạng bất động sản**	**Nombre** **Số lượng**	**Pays-Ville** **Nước Thành phố**	**Date acquisition** **Thời điểm mua**	**Valeur d'achat** **Giá trị mua**	**Montant apport initial** **Số tiền vốn ban đầu**	**Montant des emprunts restant à rembourser** **Số tiền vay mượn còn phải trả**	**Superficie** **Diện tích**
Résidence principale Nhà ở chính							
Résidence(s) secondaire(s) Nhà (các nhà) ở khác							
Immeuble(s) Tòa nhà							
Appartement(s) Căn hộ							
Commerce(s) Mặt bằng kinh doanh							
Terrain(s) agricole(s) Đất nông nghiệp							
Terrain(s) à bâtir Đất xây dựng							
TOTAL							

4. Avoirs sur comptes bancaires (*comptes courants, livrets épargne…*)
Số dư trong tài khoản ngân hàng (*tài khoản vãng lai, sổ tiết kiệm …*)

Type de compte **Loại tài khoản**	**Établissement bancaire** **Tên Ngân hàng**	**Montant de l'avoir** **Số tiền**
TOTAL / TỔNG CỘNG		

« Je certifie sur l'honneur que les chiffres portés sur cette déclaration sont exacts et complets. J'ai pris note que toute déclaration incomplète ou inexacte m'exposerait à l'exclusion du système d'aide à la scolarité (article D531-49 du Code de l'Éducation). »

« Tôi cam kết trên danh dự rằng các con số ghi trong bản khai này là chính xác và đầy đủ. Tôi nhận thức rằng những phần khai không đầy đủ và không chính xác sẽ làm cho tôi bị loại khỏi hệ thống trợ giúp học đường (điều D531-49 – Luật giáo dục). »

Fait le…… à …… Signature :
Ngày tại Ký tên: